

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2009/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

**hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu
thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

*Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm,
hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật chất lượng sản phẩm,
hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP
ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính
phủ về nhãn hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP
ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học
và Công nghệ;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung
kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng
hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản
lý của Bộ Khoa học và Công nghệ như
sau:*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (sau đây gọi tắt là kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại khoản 4 Điều 69 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa (sau đây gọi chung là người nhập khẩu), các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập

khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng kiểm tra

1. Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc Danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (dưới đây gọi tắt là Danh mục hàng hóa nhóm 2).

Đối với hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa nhóm 2, nhập khẩu vào Việt Nam có tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn hoặc hàng hóa có khả năng gây mất an toàn theo thông tin cảnh báo từ các tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài, thì có thể được kiểm tra theo Thông tư này.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu là hành lý cá nhân, ngoại giao, hàng mẫu, hàng triển lãm hội chợ, quà biếu; hàng hóa, vật tư thiết bị tạm nhập - tái xuất; hàng quá cảnh chuyên khẩu; hàng gửi kho ngoại quan; hàng doanh nghiệp Việt Nam gia công cho thương nhân nước ngoài; các vật tư thiết bị máy móc nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư; hàng hóa thuộc lĩnh vực an ninh quốc phòng, bí mật quốc gia, an toàn bức xạ hạt nhân và các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Căn cứ kiểm tra

Căn cứ kiểm tra chất lượng hàng hóa là quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với hàng hóa, quy định

về nhãn hàng hóa và các quy định khác của pháp luật.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lô hàng là tập hợp một chủng loại hàng hóa được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất và thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

2. Cơ quan kiểm tra là các cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Cục Quản lý chất lượng hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu hoặc có điểm kiểm tra hàng nhập khẩu trên địa bàn quản lý.

3. Chứng chỉ chất lượng bao gồm:

a) Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong thời hạn còn hiệu lực, được cấp bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận;

b) Giấy chứng nhận chất lượng, giấy giám định chất lượng của lô hàng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với hàng hóa tương ứng, được cấp bởi tổ chức chứng nhận hoặc tổ chức giám định được chỉ định hoặc được thừa nhận;

c) Giấy chứng nhận hệ thống quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa có yêu cầu về hệ thống quản lý.

Điều 5. Điều kiện về chất lượng để hàng hóa nhập khẩu được thông quan

1. Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về chất lượng chỉ được thông quan khi cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu do cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra chất lượng sau thì cơ quan Hải quan chỉ cho tạm thời thông quan sau khi người nhập khẩu hàng hóa đã đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu tại cơ quan kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này. Sau khi được tạm thời thông quan, người nhập khẩu phải liên hệ với cơ quan kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo nội dung quy định tại Điều 7,

trình tự, thủ tục, xử lý quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục chính thức thông quan khi hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu do cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra chất lượng sau thì người nhập khẩu không được phép đưa hàng hóa đó ra lưu thông trên thị trường nếu chưa hoàn thành việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng

Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu gồm:

1. Giấy “Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu” theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Bản photocopy các giấy tờ sau: Hợp đồng (Contract), Danh mục hàng hóa kèm theo (Packing list);

3. Một hoặc các bản sao chứng chỉ chất lượng (có chứng thực);

4. Các tài liệu khác có liên quan: Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn (Bill of Lading); hóa đơn (Invoice); tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có) (C/O-Certificate of Origin); ảnh hoặc bản mô

tả hàng hóa; mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA

Điều 7. Nội dung kiểm tra

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

2. Kiểm tra sự phù hợp của nội dung chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu so với yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các quy định hiện hành.

3. Kiểm tra mẫu nhãn hàng hóa và dấu hợp quy:

a) Kiểm tra các nội dung bắt buộc ghi trên nhãn (và nhãn phụ) bao gồm tên hàng hóa, tên địa chỉ của tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; xuất xứ của hàng hóa và các nội dung khác quy định cho từng loại hàng hóa; sự phù hợp của mẫu nhãn với bộ hồ sơ nhập khẩu lô hàng;

b) Kiểm tra vị trí, màu sắc, kích thước và ngôn ngữ trình bày của nhãn;

c) Kiểm tra việc thể hiện dấu hợp quy trên hàng hóa hoặc trên bao bì hàng hóa.

4. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa nhóm 2 mang đặc tính mới có khả năng gây mất an toàn mà chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa nhóm 2, lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam hoặc theo cảnh báo của các tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài có khả năng gây mất an toàn thì người nhập khẩu phải đăng ký, đồng thời cung cấp các căn cứ chứng minh hàng hóa đó bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường theo quy định và phải được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp nhận đăng ký.

5. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường không bảo đảm chất lượng, cơ quan kiểm tra áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra nhập khẩu đối với loại hàng hóa đó và khi có yêu cầu thì người nhập khẩu loại hàng hóa đó phải thực hiện chứng nhận hoặc giám định sự phù hợp đối với lô hàng nhập khẩu tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định. Chi phí chứng nhận hoặc giám định do người nhập khẩu chi trả tổ chức đánh giá sự phù hợp.

6. Trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc có nghi ngờ về kết quả đánh giá sự

phù hợp, cơ quan kiểm tra tiến hành lấy mẫu để thử nghiệm đối với hàng hóa đó theo các quy định sau:

a) Căn cứ tiêu chuẩn về phương pháp thử hoặc quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa, cơ quan kiểm tra lấy mẫu hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên, số lượng sao cho đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu cần kiểm tra;

b) Mẫu hàng hóa sau khi lấy phải được niêm phong và lập biên bản lấy mẫu hàng hóa theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Mẫu hàng hóa phải được gửi đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm.

Kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được chỉ định là căn cứ pháp lý để cơ quan kiểm tra xử lý tiếp trong quá trình kiểm tra.

d) Chi phí lấy mẫu hàng hóa và thử nghiệm như sau:

Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm để kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản 6 Điều 7 của Thông tư này do cơ quan kiểm tra chi trả. Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động của cơ quan kiểm tra.

Trường hợp kết quả thử nghiệm cho thấy hàng hóa nhập khẩu không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng,

quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì người nhập khẩu phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hàng hóa cho cơ quan kiểm tra.

7. Trường hợp người nhập khẩu không nhất trí với kết quả thử nghiệm mẫu quy định tại điểm c khoản 6 Điều 7 của Thông tư này thì trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thử nghiệm mẫu, người nhập khẩu phải trả lời bằng văn bản và có thể đề nghị một tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện việc đánh giá chất lượng đối với lô hàng hóa nhập khẩu đó. Kết quả đánh giá sự phù hợp này là căn cứ để cơ quan kiểm tra xử lý, kết luận cuối cùng. Chi phí đánh giá sự phù hợp do người nhập khẩu chi trả.

Điều 8. Trình tự, thủ tục và xử lý trong quá trình kiểm tra

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các bước sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu.

2. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra ngay khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu và thực hiện các bước kiểm tra tiếp theo theo quy định;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu, đồng thời xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời gian quy định. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu không thể hoàn thiện được hồ sơ thì cơ quan kiểm tra xử lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 của Thông tư này.

3. Khi hồ sơ đầy đủ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 7 của Thông tư này và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ về chất lượng hàng hóa đầy đủ và phù hợp, cơ quan kiểm tra phải ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới người nhập khẩu và cơ quan Hải quan để căn cứ làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

b) Trường hợp hồ sơ không phù hợp thì cơ quan kiểm tra xử lý như sau:

Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn thì cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về

chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Nội dung thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan Hải quan và người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn quy định. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp Thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng về hành động khắc phục đạt yêu cầu.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Nội dung thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan Hải quan và người nhập khẩu. Người nhập khẩu có thể thực hiện chứng nhận hoặc giám định sự phù hợp đối với lô hàng nhập khẩu đó tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định. Chi phí chứng nhận hoặc giám định cho lô hàng hóa nhập khẩu đó do người nhập khẩu chi trả cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Trường hợp kết quả đánh giá sự phù hợp đạt yêu cầu chất lượng thì cơ quan kiểm tra xử lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 của Thông tư này.

Trường hợp kết quả đánh giá sự phù hợp không đạt yêu cầu chất lượng thì cơ quan kiểm tra xử lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 của Thông tư này.

4. Khi kiểm tra hồ sơ, phát hiện thấy hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 của Thông tư này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trong Thông báo cần nêu rõ các nội dung cần tiếp tục phải kiểm tra và gửi tới cơ quan Hải quan và người nhập khẩu, đồng thời tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 của Thông tư này. Kết quả được xử lý như sau:

a) Trường hợp kết quả đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá sự phù hợp, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định

tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới người nhập khẩu, cơ quan Hải quan để căn cứ làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

b) Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ được hồ sơ trong thời gian quy định hoặc kết quả đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thời gian bổ sung hồ sơ hoặc kể từ ngày có kết quả đánh giá sự phù hợp, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới người nhập khẩu và cơ quan Hải quan. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này để xử lý theo thẩm quyền quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định, các cơ quan kiểm tra trong việc kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Chỉ đạo, xử lý các trường hợp hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng do Cục Quản lý chất lượng hàng hóa báo cáo.

Điều 10. Trách nhiệm của Cục Quản lý chất lượng hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu là xăng, nhiên liệu điêzen và các loại hàng hóa khác theo sự chỉ đạo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo từ các cơ quan kiểm tra ở Trung ương, các tỉnh, thành phố để tổng hợp trình Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, xử lý các trường hợp hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu

chất lượng do Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng báo cáo.

2. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng đối với các hàng hóa (trừ xăng, nhiên liệu điêzen) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ tại các cửa khẩu trên địa bàn. Xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm của Tổ chức đánh giá sự phù hợp được yêu cầu

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan kiểm tra và người nhập khẩu trong thời gian quy định.

2. Chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 14. Trách nhiệm các bên liên quan trong việc xử lý hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng

1. Người nhập khẩu có trách nhiệm:

a) Đăng ký và thực hiện quy định về kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan kiểm tra;

b) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quyết định tái xuất hoặc tiêu hủy đối với hàng hóa bị buộc phải tái xuất hoặc tiêu hủy;

c) Chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Đối với hàng hóa bị buộc phải tái chế thì cơ quan kiểm tra chủ trì việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa sau tái chế và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết quả kiểm tra để ra thông báo cho cơ quan Hải quan và cơ quan khác có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 16. Trách nhiệm các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực

Căn cứ Thông tư này các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi được phân công quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, người nhập khẩu, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Cơ quan kiểm tra phản ánh kịp thời về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ hướng dẫn, sửa đổi./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Thắng

Phụ lục I

MẪU ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi:..... (Tên Cơ quan kiểm tra)

Người nhập khẩu:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng lô hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao sau đây:

Hợp đồng (Contract) số:

Danh mục hàng hóa (Packing list):

Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:..... do Tổ chức..... cấp ngày:...../...../..... tại:.....

09617118

Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý số:
do Tổ chức chứng nhận:..... cấp ngày:...../...../..... tại:.....

Hóa đơn (Invoice) số:.....

Vận đơn (Bill of Lading) số:

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số:

Giấy chứng nhận xuất xứ C/O số:

Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn..... hoặc quy chuẩn kỹ thuật.....

....., ngày.... tháng....năm...200....

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)

vào sổ đăng ký: số:...../Cơ quan KT

Ngày..... tháng..... năm 200...

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên đóng dấu)

(NGƯỜI NHẬP KHẨU)

(Ký tên, đóng dấu)

09617118

Phụ lục II

MẪU PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TN-

....., ngày.... tháng..... năm 200...

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

STT	Hạng mục kiểm tra	Có/ Không	Ghi chú
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	0961118
2	Hợp đồng (Contract) (bản photocopy)	<input type="checkbox"/>	
3	Danh mục hàng hóa (Packing list) kèm theo hợp đồng (bản photocopy).	<input type="checkbox"/>	
4	Bản sao có chứng thực giấy chứng chỉ chất lượng	<input type="checkbox"/>	
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy	<input type="checkbox"/>	
	4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	
	4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	<input type="checkbox"/>	
5	Hóa đơn (Invoice)	<input type="checkbox"/>	
6	Vận đơn (Bill of Lading)	<input type="checkbox"/>	
7	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	
8	Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O-Certificate of Origin)	<input type="checkbox"/>	

STT	Hạng mục kiểm tra	Có/ Không	Ghi chú
9	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa	<input type="checkbox"/>	
10	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy	<input type="checkbox"/>	
11	Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).	<input type="checkbox"/>	

KẾT LUẬN

Hồ sơ đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
 Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:
 trong thời gian..... ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ
 thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

NGƯỜI KIỂM TRA

Phụ lục III

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-...

....., ngày.... tháng..... năm 200...

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

1. Tên hàng hóa:.....
2. Nhãn hiệu, kiểu loại:
3. Đặc tính kỹ thuật:.....
4. Xuất xứ/Nhà sản xuất:
5. Khối lượng/Số lượng:
6. Cửa khẩu nhập:
7. Thời gian nhập khẩu:
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:.....
 - Hợp đồng số:
 - Danh mục hàng hóa số:
 - Hóa đơn số:.....
 - Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):
 - Vận đơn số:.....
 - Tờ khai hàng nhập khẩu số:.....
9. Người nhập khẩu:.....
10. Giấy đăng ký kiểm tra số:..... ngày..... tháng..... năm 200.....

69617418

11. Căn cứ kiểm tra: Tiêu chuẩn công bố áp dụng:.....

Quy chuẩn kỹ thuật:.....

Quy định khác:.....

12. Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số:..... do tổ chức..... cấp ngày:...../...../..... tại:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Lô hàng (Số lượng/tên, nhãn hiệu, kiểu loại hàng hóa)

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

(hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu
thì nêu lý do hoặc các yêu cầu khác nếu có)

CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu VT: Cơ quan kiểm tra.

Phụ lục IV

MẪU BÁO CÁO LÔ HÀNG NHẬP KHẨU

KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LƯỢNG

(ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 200...

BÁO CÁO LÔ HÀNG NHẬP KHẨU
KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LƯỢNG

Kính gửi: (Cơ quan chủ quản cấp trên)

1. Tên hàng hóa:.....
 2. Nhãn hiệu/Kiểu loại:
 3. Đặc tính kỹ thuật:.....
 4. Xuất xứ/Nhà sản xuất:
 5. Số lượng khai báo:
 6. Cửa khẩu nhập:
 7. Thời gian nhập khẩu:
 8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:
- Hợp đồng số:
 - Danh mục hàng hóa số:
 - Hóa đơn số:.....
 - Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):.....
 - Vận đơn số:.....
 - Tờ khai hàng nhập khẩu số:.....

9. Người nhập khẩu:

10. Giấy đăng ký kiểm tra số:..... ngày..... tháng..... năm 200.....

11. Căn cứ kiểm tra: Tiêu chuẩn công bố áp dụng.....

Quy chuẩn kỹ thuật:.....

Quy định khác:.....

12. Kết quả thử nghiệm/chứng nhận/giám định hàng hóa nhập khẩu số:..... do
 Tổ chức Đánh giá sự phù hợp:.....
 cấp ngày:...../...../..... tại:.....

13. Kết luận:

a) Lô hàng (Số lượng/tên, nhãn hiệu): không đạt yêu cầu quy định về chất lượng;

b) Lý do không đạt (không phù hợp về chất lượng, ghi nhãn, dấu hợp quy,.....)

14. Đề xuất biện pháp xử lý:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Cơ quan kiểm tra.

CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký tên đóng dấu)

Phụ lục V

MẪU BIÊN BẢN LẤY MẪU

(ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 200...

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số.....

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:
2. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)
3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức danh, đơn vị)
4. Phương pháp lấy mẫu:

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Tên cơ sở và địa chỉ NSX, NK	Đơn vị tính	Lượng mẫu	Ngày sản xuất, số lô (nếu có)	Ghi chú

5. Tình trạng mẫu:

Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở lấy mẫu.

Mẫu có thể được chia làm 2 đơn vị: 1 đơn vị đưa đi thử nghiệm, 1 đơn vị được lưu tại cơ quan kiểm tra khi cần thiết.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI

MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 200...

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
(số liệu Quý.... năm 200..... tính từ ngày..... đến ngày.....)

Kính gửi:

1. Tổng số lô hàng đã đăng ký kiểm tra:..... lô, trong đó
 - Số lô đã qua kiểm tra đạt yêu cầu:..... lô (chi tiết xem bảng 1)
 - Số lô không đạt yêu cầu:..... lô (chi tiết xem bảng 2)
 - Số lô trốn tránh kiểm tra:..... lô (chi tiết xem bảng 3)
2. Tình hình khiếu nại: (lô hàng, doanh nghiệp nhập khẩu, tình hình khiếu nại và giải quyết.....)
3. Kiến nghị:

Bảng 1. Kết quả kiểm tra chất lượng các lô hàng đạt yêu cầu nhập khẩu

TT	Tên, nhóm hàng hóa (thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN)	Tổng số (lô)	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn gốc, xuất xứ	Chi cục kiểm tra ¹
....						

¹ Báo cáo của Chi cục gửi về theo định kỳ thì không cần phải ghi cột này.

Bảng 2. Kết quả kiểm tra chất lượng các lô hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu.

TT	Số hồ sơ	Tên Người NK	Địa chỉ ĐT/Fax	Tên & nhóm hàng hóa NK	Số lượng	Xuất xứ	Lý do không đạt	Các biện pháp đã được xử lý	Chi cục xử lý ²
.....									

Bảng 3. Các doanh nghiệp trốn tránh kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu

TT	Giấy đăng ký kiểm tra số	Tên Người NK	Địa chỉ ĐT/Fax	Tên & nhóm hàng hóa NK	Số lượng	Tờ khai HHNK số	Thời gian nhập khẩu
...							

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Cơ quan kiểm tra.

CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

² Báo cáo của Chi cục gửi về theo định kỳ thì không cần phải ghi cột này.